

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2019

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh

Ông Phạm Bá Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Xóm X, xã N, thị xã Th, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Yang, Chung - Yu, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Số 7/265, đường Công An, xóm 003, phường My Sơn, khu Hậu Lý, thành phố Đà Trung, lãnh thổ Đài Loan, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Yang, Chung - Yu kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/04/2017.

Sau khi kết hôn, chị và anh Yang, Chung - Yu không sống chung với nhau vì chị không làm được thủ tục xuất cảnh sang Đài Loan để sinh sống với chồng, do điều kiện xa cách, bất đồng ngôn ngữ nên vợ chồng không phát sinh tình cảm. Hiện nay, chị xác định vợ chồng không có tình cảm với nhau nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Yang, Chung - Yu.

Về con chung: Chị và anh Yang, Chung - Yu không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Yang, Chung - Yu không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Yang, Chung - Yu, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên cho đến nay, anh Yang, Chung - Yu vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Yang, Chung - Yu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phạm Thị T có quốc tịch Việt Nam và địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, bị đơn anh Yang, Chung - Yu có quốc tịch và địa chỉ cư trú tại lãnh thổ Đài Loan. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải và sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hợp lệ, đến cơ quan có thẩm quyền trên lãnh thổ Đài Loan theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu anh Yang, Chung - Yu gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến về việc chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn. Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo: Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 01/10/2018 bằng phương thức, tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự. Nhưng đến ngày hòa giải và các ngày mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 28/12/2018 và lần thứ hai ngày 28/01/2019 thì anh Yang, Chung - Yu cũng vắng mặt và không có văn bản gửi ý kiến của mình cho Tòa án. Do đó, Tòa án không thể hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Yang, Chung - Yu, theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Yang, Chung - Yu kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/04/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Phạm Thị T và anh Yang, Chung - Yu không sống chung với nhau do chị Phạm Thị T không làm được thủ tục xuất cảnh sang lãnh thổ Đài Loan để sinh sống với anh Yang, Chung - Yu, vì điều kiện xa cách, bất đồng ngôn ngữ nên vợ chồng không phát sinh tình cảm. Do đó, chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Phạm Thị T với anh Yang, Chung - Yu không đạt được mục đích. Thực tế giữa chị Phạm Thị T và anh Yang, Chung - Yu không chung sống với nhau từ sau khi kết hôn. Chị Phạm Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5

Điều 27 và Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Yang, Chung - Yu được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000733 ngày **07/06/2018** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000741 ngày 27/06/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Chị Phạm Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Yang, Chung - Yu có quyền kháng cáo Bản

án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND thị xã Th;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Văn Quỳnh